

TCO HOLDINGS

Số/No.: 1904.2/TCO-
CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS**
 - Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCO
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 - Điện thoại/ *Telephone*: 076 806 4686
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/ Mr. Bùi Lê Quốc Bảo
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần TCO Holdings công bố thông tin về báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2024 và công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế. Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>.

The TCO Holdings Joint Stock Company discloses information on its consolidated financial statements for the first quarter of 2024 and a explanation letter for P&L movements. We have also posted these documents on our website at: <https://www.tasaduyenhai.com/vi/co-dong/thong-tin-tai-chinh.html>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC/ *Financial statements*;
- Giải trình/ *Explanation* .

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Lê Quốc Bảo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

TP. Hải Phòng, ngày 19 tháng 04 năm 2024
Hai Phong city, April 19th, 2024

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Quý 1 Năm 2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2024 và so với cùng kỳ năm 2023 của Công ty Cổ phần TCO Holdings và các công ty con (“Nhóm Công ty”).

Công ty Cổ phần TCO Holdings (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Đơn vị tính: đồng

Lợi nhuận sau thuế	Quý 1 Năm 2024	Quý 1 Năm 2023	Biến động	
			Giá trị	%
Báo cáo tài chính riêng	87.705.498	1.357.005.264	(1.269.299.766)	-93,5%
Báo cáo tài chính hợp nhất	8.668.097.769	1.404.635.505	7.263.462.264	517,1%

1. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính riêng:

Kết quả kinh doanh quý 1 năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính riêng là 109 triệu. Từ năm 2024 Công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn, tại Công ty mẹ phát sinh các chi phí chủ yếu là chi phí quản lý, chi phí tài chính vay vốn ngân hàng và/hoặc các đối tác để phục vụ nhu cầu vốn lưu động. Nguồn thu nhập chính của Công ty là từ cổ tức được chia từ các công ty con và các khoản doanh thu tài chính khác.

Quý 1 năm 2023 hoạt động kinh doanh chính của Công ty lỗ 688 triệu đồng, tuy nhiên hoạt động tài chính lãi 2,4 tỷ (trong đó chủ yếu là lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác đầu tư), do vậy lợi nhuận trước thuế Quý 1 năm 2023 là 1,7 tỷ.

Quý 1 năm 2024, Công ty chủ yếu phát sinh các chi phí quản lý và lợi nhuận của Công ty chủ yếu đến từ khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

2. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Kết quả kinh doanh quý 1 năm 2024, Nhóm Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 12,2 tỷ, tăng 10,4 tỷ so với cùng kỳ quý 1 năm 2023. Chi tiết như sau:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 4,9 tỷ, tăng 3,1 tỷ so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu đến từ mảng sản xuất kinh doanh lúa gạo.
- Lợi nhuận khác tăng 7,3 tỷ đến từ thanh lý tài sản.

Trân trọng.



BÙI LÊ QUỐC BẢO



Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 41

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics, và dịch vụ đại lý tàu biển; và buôn bán gạo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo - Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.369.524.779.727	864.898.262.537
110	I. Tiền	5	36.638.663.921	3.732.860.044
111	1. Tiền		36.638.663.921	3.732.860.044
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		63.920.581.824	54.920.581.824
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	63.920.581.824	54.920.581.824
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		902.086.717.439	736.932.654.707
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	103.046.730.565	44.777.224.718
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	595.728.429.624	693.129.704.205
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	200.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	3.311.557.250	305.861.341
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	-	(1.280.135.557)
140	IV. Hàng tồn kho	11	353.100.116.476	57.089.215.875
141	1. Hàng tồn kho		353.100.116.476	57.363.654.238
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(274.438.363)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.778.700.067	12.222.950.087
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.144.344.080	453.241.300
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	12.547.855.987	11.769.708.787
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	19	86.500.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		300.779.303.260	302.295.429.662
210	I. Khoản phải thu dài hạn		534.342.260	534.342.260
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	534.342.260	534.342.260
220	II. Tài sản cố định		99.129.796.231	91.261.401.693
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	82.166.082.524	72.932.837.595
222	Nguyên giá		112.191.606.158	100.728.413.220
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.025.523.634)	(27.795.575.625)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	16.963.713.707	18.328.564.098
228	Nguyên giá		17.913.463.806	19.333.463.806
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(949.750.099)	(1.004.899.708)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.680.447.419	9.964.352.164
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	5.680.447.419	9.964.352.164
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.000.000.000	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		194.434.717.350	199.535.333.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.755.950.707	1.916.085.706
269	2. Lợi thế thương mại	16	192.678.766.643	197.619.247.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.670.304.082.987	1.167.193.692.199

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.345.245.242.143	850.877.703.660
310	I. Nợ ngắn hạn		1.321.541.780.143	824.514.607.660
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	22.475.918.620	8.665.984.345
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	613.890.103.514	379.895.649.633
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	9.240.292.964	9.071.817.410
314	4. Phải trả người lao động		743.283.745	283.922.213
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.440.150.441	4.328.384.485
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	7.291.384.242	4.328.702.957
320	7. Vay ngắn hạn	22	662.981.036.000	416.460.536.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	1.479.610.617	1.479.610.617
330	II. Nợ dài hạn		23.703.462.000	26.363.096.000
338	1. Vay dài hạn	22	23.703.462.000	26.363.096.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		325.058.840.844	316.315.988.539
410	I. Vốn chủ sở hữu		325.058.840.844	316.315.988.539
411	1. Vốn cổ phần	24.1	187.110.000.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		187.110.000.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	29.926.933.100	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	2.781.094.734	2.781.094.734
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	102.566.755.718	93.898.657.949
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		93.898.657.949	86.717.830.752
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.668.097.769	7.180.827.197
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24.5	2.674.057.292	2.599.302.756
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.670.304.082.987	1.167.193.692.199



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 1/2024	Quý 1/2023	Năm 2024	Năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	25.1	492.303.240.468	10.076.623.683	492.303.240.468	10.076.623.683
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	26	472.178.899.142	7.967.164.826	472.178.899.142	7.967.164.826
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		20.124.341.326	2.109.458.857	20.124.341.326	2.109.458.857
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	2.094.688.039	2.400.590.628	2.094.688.039	2.400.590.628
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	27	8.810.491.048 8.810.491.048	1.462.898	8.810.491.048 8.810.491.048	1.462.898
25	6. Chi phí bán hàng	28	2.107.569.500	-	2.107.569.500	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	6.403.748.198	2.737.750.369	6.403.748.198	2.737.750.369
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.897.220.619	1.770.836.218	4.897.220.619	1.770.836.218
31	9. Thu nhập khác	30	7.325.365.792	-	7.325.365.792	-
32	10. Chi phí khác		1.404.764	-	1.404.764	-
40	11. Lợi nhuận khác		7.323.961.028	-	7.323.961.028	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.221.181.647	1.770.836.218	12.221.181.647	1.770.836.218
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	3.478.329.342	365.567.244	3.478.329.342	365.567.244
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

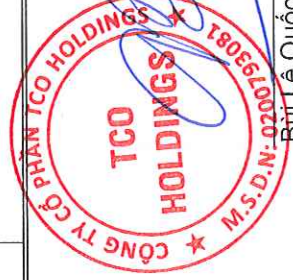
B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 1/2024	Quý 1/2023	Năm 2024	Năm 2023
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.742.852.305	1.405.268.974	8.742.852.305	1.405.268.974
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		8.668.097.769	1.404.635.505	8.668.097.769	1.404.635.505
62	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24.5	74.754.536	633.469	74.754.536	633.469
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24.4	463	73	463	73
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	24.4	463	73	463	73

Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

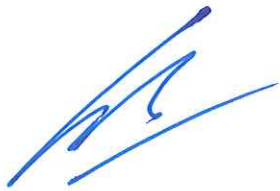
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		12.221.181.647	1.770.836.218
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	12	2.269.324.430	31.221.726
03	Các khoản dự phòng		(1.554.573.920)	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	1.462.898
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.419.032.880)	(590.628)
06	Chi phí lãi vay		8.810.491.048	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.327.390.325	1.802.930.214
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		37.345.661.242	(1.399.015.497)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(295.736.462.238)	26.024.576
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		250.212.583.025	(806.583.859)
12	Tăng chi phí trả trước		4.409.513.415	113.722.140
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.810.491.048)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(3.184.239.884)	(663.093.328)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(107.900.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(3.436.045.163)	(1.033.915.754)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(7.179.288.193)	-
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		8.650.000.000	-
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(209.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, hợp tác kinh doanh		10.271.233	590.628
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(207.519.016.960)	590.628

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-
33	Tiền thu từ đi vay		478.520.500.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(234.659.634.000)	-
36	Cổ tức đã trả	23.2	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		243.860.866.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		32.905.803.877	(1.033.915.754)
60	Tiền đầu kỳ		3.732.860.044	1.983.025.208
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(1.462.898)
70	Tiền cuối kỳ	5	36.638.663.921	948.237.184



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Đào Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sửa chữa máy móc, thiết bị; cung cấp dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển; và bán buôn gạo.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 là 77 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 74 người).

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp và hai (2) công ty con gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động		Ngày 31 tháng 3 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
(1) Công ty Cổ phần TCO Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh ("TP. HCM")	99,96	99,96	99,96	99,96	99,96	99,96
(2) Công ty Cổ phần TCO Agri	TP. HCM	99,95	99,95	99,95	99,95	99,95	99,95
(3) Công ty Cổ phần TCO Real Estate	TP. HCM	99,95	99,95	99,95	99,95	99,95	99,95
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	TP. HCM	89,96	90,00	89,96	90,00	89,96	90,00
(5) Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Tỉnh An Giang	99,62	99,67	99,62	99,67	99,62	99,67

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 45 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	11 - 20 năm
Máy móc thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Khác	5 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.10 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của HĐQT và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Quý đầu tư và phát triển

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quý phát triển thị trường

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	9.185.523.302	520.226.580
Tiền gửi ngân hàng	27.453.140.619	3.212.633.464
TỔNG CỘNG	<u>36.638.663.921</u>	<u>3.732.860.044</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	63.920.581.824	54.920.581.824
Dài hạn		
Trái phiếu (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	64.920.581.824	55.920.581.824

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 3,7%/năm đến 7,5%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

(ii) Đây là 10.000 trái phiếu không chuyển đổi và kèm chứng quyền mã số CTG2232T2/01 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Trái phiếu này được hoàn trả sau mười (10) năm kể từ ngày phát hành.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hòa Hiệp	34.114.914.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nguyễn Quang Vinh	21.770.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green	12.563.357.500	16.074.940.000
Các khách hàng khác	34.598.459.065	28.702.284.718
TỔNG CỘNG	103.046.730.565	44.777.224.718
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.280.135.557)
GIÁ TRỊ THUẦN	103.046.730.565	43.497.089.161

Tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

	VND	
	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Số đầu kỳ	(1.280.135.557)	-
Hoàn nhập trong kỳ	1.280.135.557	-
Số cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Vạn Thiên Phát	175.422.174.250	101.728.674.250
Công ty Cổ phần Sài Gòn Gravity	104.799.500.000	87.625.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	86.156.750.000	110.687.650.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Huy	63.978.015.000	97.416.315.000
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Vi	59.120.000.000	-
Công ty TNHH Giải pháp IDS	-	140.000.000.000
Khác	106.251.990.374	155.672.064.955
TỔNG CỘNG	<u>595.728.429.624</u>	<u>693.129.704.205</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Hiếu (i)	120.000.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Lộc	80.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>200.000.000.000</u>	<u>-</u>

(i) Ông Nguyễn Trung Hiếu đang sở hữu các mảnh đất có diện tích 428,96 m² tại 88-90-90/2 Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BV696924, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00443 do Ủy Ban Nhân Dân Quận 1 cấp ngày 14/11/2014 và số: DH099319, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH01326 do Ủy Ban Nhân Dân Quận 1 cấp ngày 13/10/2023. Nhóm Công ty cho ông Nguyễn Trung Hiếu vay vốn để thanh toán tiền vay mua đất và đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng cho thuê trên các mảnh đất này.

(ii) Ông Hoàng Hữu Lộc là cá nhân đang sở hữu mảnh đất có diện tích 2.310,3 m² tại 74/14 đường số 6, khu phố 3, Phường Linh Xuân, Thành phố Thủ Đức theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ537545, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH03058 do Ủy Ban Nhân Dân Quận Thủ Đức cấp ngày 19/02/2014. Nhóm Công ty cho Ông Hoàng Hữu Lộc vay vốn để đầu tư xây dựng chung cư mini cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	3.311.557.250	305.861.341
Lãi cho vay, lãi trái phiếu	2.118.383.562	-
Chi hộ khách hàng	903.692.690	-
Tạm ứng nhân viên	251.133.717	206.541.915
Khác	38.347.281	99.319.426
Dài hạn	534.342.260	534.342.260
Ký quỹ	534.342.260	534.342.260
TỔNG CỘNG	<u>3.845.899.510</u>	<u>840.203.601</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	3.839.899.510	834.823.662
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	6.000.000	5.379.939

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng mua đang đi trên đường	145.912.500.000	-
Hàng hóa	125.562.058.949	-
Hàng gửi đi bán	41.384.681.958	17.466.274.224
Thành phẩm	39.613.864.613	39.670.890.670
Nguyên liệu tồn kho	470.283.761	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	156.727.195	226.489.344
TỔNG CỘNG	<u>353.100.116.476</u>	<u>57.363.654.238</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(274.438.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>353.100.116.476</u>	<u>57.089.215.875</u>

Tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Số đầu kỳ	(274.438.363)	-
Hoàn nhập trong kỳ	274.438.363	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	1.144.344.080	453.241.300
Thuê văn phòng	542.052.843	-
Công cụ, dụng cụ	259.537.836	185.016.601
Bảo hiểm	242.892.754	161.618.863
Khác	99.860.647	106.605.836
Dài hạn	1.755.950.707	1.916.085.706
Công cụ, dụng cụ	1.230.707.402	1.297.184.135
Chi phí cải tạo văn phòng	504.412.585	595.099.155
Khác	20.830.720	23.802.416
TỔNG CỘNG	<u>2.900.294.787</u>	<u>2.369.327.006</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings
(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	22.201.320.476	40.796.581.713	37.610.511.031	120.000.000	100.728.413.220
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	11.463.192.938	-	11.463.192.938
Phân loại lại	(5.852.620.134)	5.852.620.134			
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	16.348.700.342	46.649.201.847	49.073.703.969	120.000.000	112.191.606.158
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(4.866.764.219)	(15.169.627.400)	(7.723.893.683)	(35.290.323)	(27.795.575.625)
Khấu hao trong kỳ	(339.645.576)	(1.016.461.869)	(867.840.564)	(6.000.000)	(2.229.948.009)
Phân loại lại	975.436.682	(975.436.682)	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	(4.230.973.113)	(17.161.525.951)	(8.591.734.247)	(41.290.323)	(30.025.523.634)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	17.334.556.257	25.626.954.313	29.886.617.348	84.709.677	72.932.837.595
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	12.117.727.229	29.487.675.896	40.481.969.722	78.709.677	82.166.082.524

Trong đó:

Tài sản cầm cố, thế chấp
(Thuyết minh số 22)

12.117.727.229 8.813.918.038 40.481.969.722 - 61.413.614.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.333.463.806
Nhượng bán	<u>(1.420.000.000)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>17.913.463.806</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.004.899.708)
Hao mòn trong kỳ	(39.376.421)
Nhượng bán	<u>94.526.030</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>949.750.099</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>18.328.564.098</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>16.963.713.707</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22)</i>	16.963.713.707

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Sà lan và thiết bị	3.405.350.000	9.179.942.164
Máy móc đang lắp đặt	<u>2.275.097.419</u>	<u>784.410.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.680.447.419</u>	<u>9.964.352.164</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Nam An</i>
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	197.619.247.839
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>197.619.247.839</u>
Phân bổ lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Phân bổ trong kỳ	(4.940.481.196)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>(4.940.481.196)</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>197.619.247.839</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	<u>192.678.766.643</u>

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty TNHH Phạm Trí Nguyễn	7.013.632.845	1.467.079.506
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Nhơn Thịnh Phú	3.438.964.080	1.661.315.400
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Vạn Lợi	2.983.210.700	2.983.210.700
Công ty Cổ Phần Bao Bì Nhựa Sen Việt	2.187.583.200	-
Công ty TNHH Thương Mại Rau Quả và Dịch vụ Vận Tải Thịnh Phát	1.496.437.200	-
DNTN Vận chuyển Hàng Hóa Phát Tài	1.191.413.255	780.451.498
Khác	4.164.677.340	1.773.927.241
TỔNG CỘNG	<u>22.475.918.620</u>	<u>8.665.984.345</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia	357.903.636.400	199.216.058.747
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thuận Minh	254.224.448.763	175.914.638.763
Khác	1.762.018.351	4.764.952.123
TỔNG CỘNG	<u>613.890.103.514</u>	<u>379.895.649.633</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2024
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.916.550.806	3.478.329.342	(3.184.239.884)	9.210.640.264
Thuế giá trị gia tăng	460.429	2.367.064.043	(2.367.524.472)	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.188.396	96.182.916	(91.718.612)	29.652.700
Thuế khác	129.617.779	138.264.152	(267.881.931)	-
TỔNG CỘNG	9.071.817.410	6.079.842.453	(5.911.364.899)	9.240.292.964
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.769.708.787	3.171.611.244	(2.393.464.044)	12.547.855.987
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	86.500.000	-	86.500.000
TỔNG CỘNG	11.769.708.787	3.258.111.244	(2.393.464.044)	12.634.355.987

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	-	552.399.438
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	-	310.000.000
Chi phí điện phải trả	-	244.985.047
Chi phí phải trả hãng tàu	-	-
Trích trước chi phí thuế	3.347.045.357	3,220,000,000
Khác	93.105.084	1.000.000
TỔNG CỘNG	3.440.150.441	4.328.384.485

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ tức phải trả	616.521.700	644.525.900
Kỳ quỹ đã nhận	57.000.000	58.000.000
Phải trả khác	6.617.862.542	3.626.177.057
TỔNG CỘNG	7.291.384.242	4.328.702.957
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả các bên khác	5.596.521.700	840.040.630
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)	1.618.662.327	3.488.662.327

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VAY

	VND			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>
Ngắn hạn	416.460.536.000	478.520.500.000	(232.000.000.000)	662.981.036.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	405.822.000.000	478.520.500.000	(232.000.000.000)	652.342.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	10.638.536.000	-	-	10.638.536.000
Dài hạn	26.363.096.000	-	(2.659.634.000)	23.703.462.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	26.363.096.000	-	(2.659.634.000)	23.703.462.000
TỔNG CỘNG	<u>442.823.632.000</u>	<u>478.520.500.000</u>	<u>(234.659.634.000)</u>	<u>686.684.498.000</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	-------------	----------------	------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2

Khoản vay 1	300.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 13 tháng 9 năm 2024	6,7 - 7,3	Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND thuộc sở hữu của Nam An;
-------------	-----------------	--	-----------	--

Các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu bởi các cá nhân.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 2 – Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	295.702.500.000	Từ ngày 5 tháng 4 năm 2024 đến ngày 31 tháng 7 năm 2024	7,0 - 7,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 49, 50, 51, 52, 63, 79, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 100, 138, 139, tờ bản đồ số 139, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An;
-------------	-----------------	---	-----------	---

Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Nam An.

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh An Giang

Khoản vay 1	47.640.000.000	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2024 đến ngày 18 tháng 2 năm 2024	7,8 - 7,9%	Hàng tồn kho thuộc sở hữu Nam An
-------------	----------------	--	------------	----------------------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang

Khoản vay 1	9.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024	9,0	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 35, 53, 110, Tờ bản đồ số 39, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An;
-------------	---------------	--	-----	--

Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 16, Tờ bản đồ số 77, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An thuộc sở hữu của Nam An.

TỔNG CỘNG 652.342.500.000

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 2 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	14.625.000.000	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2024 đến ngày 25 tháng 5 năm 2027 dự án Nhà máy chế biến lúa gạo và kho bảo quản sản phẩm	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của	8,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 49, 50, 51, 52, 63, 79, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 100, 138, 139, Tờ bản đồ số 139, Huyện Long Hòa, Quận Phú Tân, Tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Nam An; Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Nam An.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai					
Khoản vay 1	7.342.498.000	Từ ngày 27 tháng 6 năm 2024 đến ngày 5 tháng 6 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	8,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	1.482.000.000	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2024 đến ngày 5 tháng 3 năm 2027	Mua phương tiện vận tải	8,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2					
Khoản vay 1	6.874.800.000	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	9,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	3.205.000.000	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	9,0	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong					
Khoản vay 1	237.600.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	7,6	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	237.600.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 2 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	7,6	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 3	337.500.000	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 4 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	7,8	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.

TỔNG CỘNG

34.341.998.000

Trong đó:

Vay dài hạn 23.703.462.000

Vay dài hạn đến hạn trả 10.638.536.000

23. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Số đầu kỳ	1.479.610.617	941.374.075
Trích lập	-	-
Sử dụng quỹ	-	(50.900.000)
Số cuối kỳ	1.479.610.617	890.474.075

VND

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.404.635.505	1.404.635.505
Ngày 31 tháng 3 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	91.229.296.189	310.159.658.328
Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	93.898.657.949	313.716.685.783
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	8.668.097.769	8.668.097.769
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	102.566.755.718	322.384.783.552

VND

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	<u>187.110.000.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã trả bằng tiền	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 3 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8,668,097,769	1,404,635,505
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	42,139,065
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	8,668,097,769	1,362,496,440
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.711.000	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh	18.711.000	18.711.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	463	73
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	463	73

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 5 năm 2023.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

24.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Số đầu kỳ	2.599.302.756	500.150.832
Lợi nhuận thuần trong kỳ	74.754.536	482,637
Số cuối kỳ	2.674.057.292	500.633.469

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Doanh thu kinh doanh gạo và phụ phẩm	463.951.223.450	-
Doanh thu vận tải	27.956.071.518	637.565.900
Doanh thu dịch vụ bãi	-	7.388.591.696
Doanh thu khác	395.945.500	2.050.466.087
DOANH THU THUẦN	<u>492.303.240.468</u>	<u>10.076.623.683</u>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.094.506.850	2.400.590.628
Lãi chênh lệch tỷ giá	181.189	-
TỔNG CỘNG	<u>2.094.688.039</u>	<u>2.400.590.628</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Giá vốn kinh doanh gạo và phụ phẩm	444.434.886.150	-
Giá vốn dịch vụ vận tải	27.729.004.492	547.455.455
Giá vốn dịch vụ bãi	-	5.902.149.115
Giá vốn khác	15.008.500	1.517.560.256
TỔNG CỘNG	<u>472.178.899.142</u>	<u>7.967.164.826</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Lãi vay	8.810.491.048	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.462.898
TỔNG CỘNG	8.810.491.048	1.462.898

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chi phí nhân viên	49.029.500	-
Chi phí vận chuyển	8.000.000	-
Chi phí vật liệu, bao bì	2.050.540.000	-
TỔNG CỘNG	2.107.569.500	-

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chi phí nhân viên	1.301.293.372	1.420.343.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.006.460.435	1.097.326.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.775.269	31.221.726
Phân bổ lợi thế thương mại	4.940.481.196	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.280.135.557)	-
Khác	407.873.483	188.859.050
TỔNG CỘNG	6.403.748.198	2.737.750.369

30. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	7.324.526.030	-
Khác	839.762	-
TỔNG CỘNG	7.325.365.792	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	443.360.555.921	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.464.624.987	9.064.491.419
Phân bổ lợi thế thương mại	4.940.481.196	-
Chi phí nhân viên	2.810.954.158	1.420.343.000
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(1.554.573.920)	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.269.324.430	31.221.726
Chi phí khác	398.850.068	188.859.050
TỔNG CỘNG	480.690.216.840	10.704.915.195

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.478.329.342	365.567.244

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.221.181.647	1.770.836.218
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	2.444.236.329	354.167.244
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	990.627.220	11.400.000
Loại trừ lãi vay nội bộ	(13.150.159)	-
Lỗ từ công ty con	56.617.952	-
Điều chỉnh khác	(2.000)	-
Chi phí thuế TNDN	3.478.331.342	365.567.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Công ty cổ phần Hiên Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Đầu tư Hoa Thiên Lý	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Trả tiền	1.870.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con	Tạm ứng chi phí hoạt động	-	10.000.000
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	6.000.000	5.379.939
			6.000.000	15.379.939

Phải trả ngắn hạn khác

Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc	Mượn tiền	1.618.662.327	3.488.662.327
---------------------	---------------	-----------	---------------	---------------

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao và tiền lương	
		Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024	Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	188.875.789	-
Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	9.000.000	-
Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	107.585.916	-
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	23.000.000	51.859.000
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	53.966.264	-
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	180.004.883	-
TỔNG CỘNG		562.432.851	51.859.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023</i>
Dưới 1 năm	2.075.379.775	3.108.408.000
Từ 1 đến 5 năm	6.836.694.194	763.002.000
TỔNG CỘNG	<u>8.912.073.969</u>	<u>3.871.410.000</u>

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	VND			
	Sản xuất	Dịch vụ	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	464.287.234.450	29.379.951.268	(1.363.945.250)	492.303.240.468
Doanh thu bộ phận	464.287.234.450	29.379.951.268	(1.363.945.250)	492.303.240.468
Chi phí bộ phận	(448.304.946.973)	(28.808.733.921)	(3.576.535.946)	(480.690.216.840)
Lỗ bộ phận	15.982.287.477	571.217.347	(4.940.481.196)	11.613.023.628
Chi phí tài chính				(6.715.803.009)
Thu nhập khác				7.323.961.028
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(3.478.329.342)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(74.754.536)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				8.668.097.769
Tài sản bộ phận	1.414.919.324.534	702.033.459.237	(446.648.700.784)	1.670.304.082.987
Nợ phải trả bộ phận	1.290.264.773.238	51.014.966.681	3.965.502.224	1.345.245.242.143
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	-	10.076.623.683	-	10.076.623.683
Doanh thu bộ phận	-	10.076.623.683	-	10.076.623.683
Chi phí bộ phận	-	(10.704.915.195)	-	(10.704.915.195)
Lợi nhuận (lỗ) bộ phận	-	(628.291.512)	-	(628.291.512)
Thu nhập tài chính				2.399.127.730
Chi phí khác				-
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(365.567.244)
Lợi ích cổ đông thiểu số				(633.469)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				1.404.635.505
Tài sản bộ phận				324.585.345.290
Nợ phải trả bộ phận				13.924.902.661

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thế An
Người lập/Kế toán trưởng



Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 19 tháng 4 năm 2024